

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/TTP/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

1. Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam**
2. Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: 028 38277100 Fax:
4. Email:
5. Mã số doanh nghiệp (MST): 0302803331
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Màng nhựa IS Strip**
2. Thành phần chính: Polyethylen
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - IS-Strip được đóng gói thành hộp (10 cuộn/hộp) và được bọc lớp PE để tránh ẩm và bụi.
 - Các thùng được xếp trên pallet 60 hộp/pallet.
 - Mỗi pallet được bọc lớp PE bên ngoài.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:
 - Sản xuất tại: Inventing SE.
 - Địa chỉ: Tanumsvägen 4, Fjällbacka, SE 450 71, Sweden

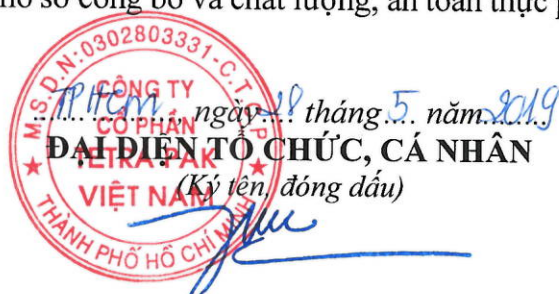
III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty kinh doanh sản phẩm *Màng nhựa IS Strip* đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm (để tiếp xúc với các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn) theo:

QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

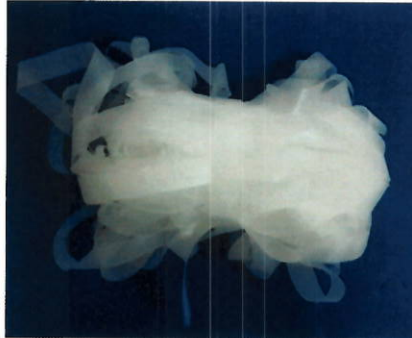


Nguyễn Thị Nhật Khánh

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/TTP/2019

1. Mô tả sản phẩm: Màng nhựa IS Strip



2. Nhãn sản phẩm dự kiến:



NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: Màng nhựa IS-STRIP

Thành phần: Vật liệu cấu tạo PE

Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo.

Hướng dẫn bảo quản:

Màng nhựa IS-STRIP được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và ánh sáng chiếu trực tiếp.

- Sản phẩm phải được lưu trữ trong hộp và được xếp trên pallet.
- Điều kiện bảo quản: Độ ẩm yêu cầu 40 đến 65%; nhiệt độ khoảng từ 10 độ C đến 40 độ C.

Hướng dẫn sử dụng:

- IS-STRIP được bóc ra và sử dụng theo cuộn.
- Các cuộn sản phẩm dùng dở phải được bọc kỹ.

Quy cách đóng gói:

- IS-STRIP được đóng gói thành hộp (10 cuộn/hộp) và được bọc lớp PE để tránh ẩm và bụi.
- Các thùng được xếp trên pallet 60 hộp/pallet.
- Mỗi pallet được bọc lớp PE bên ngoài.

Xuất xứ:

- Nhà sản xuất: Inventing SE.
- Địa chỉ: Tanumsvägen 4, Fjällbacka, SE 450 71, Sweden
- Nhà xuất khẩu: Tetra Pak Jurong Pte Ltd,
- Địa chỉ: 19Gul Lane, Singapore City, Singapore 629414
- Thương nhân nhập khẩu: Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam
- Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 38257110

2803
ÔNG
Ổ PH
TRA
IẾT
Y PH

Số: 0965/N3.19/ĐG

Ngày: 10/5/2019

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Người yêu cầu : Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam
2. Tên mẫu theo khai báo : Màng nhựa IS Strip
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 26/4/2019
5. Căn cứ giám định : QCVN 12-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám định	Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5
6.1	Ngoại quan		-
6.2	Định danh nhựa	Polyethylen	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5
6.3	Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, $\mu\text{g/g}$ - Chì (Pb) - Cadimi (Cd)	< 5 < 5	100
6.4	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, $\mu\text{g/mL}$ - Trong nước cất, 60°C, 30 phút - Trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút - Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	< 5 < 5 < 10	30
6.5	Hàm lượng kim loại nặng (quì ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, $\mu\text{g/mL}$	< 1	1
6.6	Hàm lượng KMnO_4 tiêu thụ trong nước cất chiết được từ mẫu, 60°C, 30 phút, $\mu\text{g/mL}$	< 5	10

7. **Kết luận:** Mẫu nêu trên có kết quả các chỉ tiêu thử nghiệm phù hợp với mức quy định nêu tại mục 5 đối với Màng nhựa tiếp xúc với các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn.

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Đặng Thị Bùi Oanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Văn Sùng

M01 – QTGD 31

KT3-02161AHD9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/05/2019
Trang 01/02

1. Tên mẫu : MÀNG NHỰA IS STRIP
2. Số lượng mẫu : 01
3. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
0965/N3.19/ĐG/PT
01 cuộn dây nhựa trong
4. Ngày nhận mẫu : 02/05/2019
5. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM
235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q.1, Tp Hồ Chí Minh
6. Thời gian thử nghiệm : 03/05/2019 – 09/05/2019
7. Kết quả thử nghiệm : xem trang 02/02

P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG



Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Phạm Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1 Định danh nhựa bằng phương pháp phổ hồng ngoại THỬ VẬT LIỆU	-	ASTM E 1252 – 98	-	Polyethylene
7.1 Hàm lượng chì	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
7.2 Hàm lượng cadimi	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM				
7.3 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1
7.4 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH
7.5 Hàm lượng cặn khô		QCVN 12-1 : 2011/BYT		
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C	µg/mL		5,0	< 10,0 (*)
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH

Ghi chú: KPH: không phát hiện
 (*) Giới hạn định lượng.